

Số: 336 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Chế biến các mặt hàng hải sản và cấp đông đóng gói các loại thực phẩm,
nông sản để xuất khẩu” tại lô I1 – I2, Khu công nghiệp Suối Dầu,
xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hợp nhất tại văn bản số 11/VBHN-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo tổng hợp ý kiến các cơ quan, tổ chức số 1099/STNMT-CCBVMT ngày 27 tháng 3 năm 2020;



Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu từ 3.000 tấn sản phẩm/năm lên 10.000 tấn sản phẩm/năm” tại lô I1 – I2, Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 27/CV-SAKURA ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Công ty TNHH Thực phẩm Sakura;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ...55.../TTr-STNMT-CCBVM ngày ...02... tháng 02 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu từ 3.000 tấn sản phẩm/năm lên 10.000 tấn sản phẩm/năm” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Thực phẩm Sakura (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại lô I1, I2 Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại UBND xã Suối Tân.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 166/QĐ-KKT ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong./

Nơi nhận: (VBĐT)

- Bộ TNMT;
- Sở TNMT;
- BQL KKT Vân Phong;
- UBND huyện Cam Lâm;
- UBND xã Suối Tân;
- Chủ dự án;
- Lưu: VP+TL, HB. 10



Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số... 33.6... /QĐ-UBND ngày ..05.. tháng 09 năm 2021.. của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Tên dự án: “Chế biến các mặt hàng hải sản và cấp đông đóng gói các loại thực phẩm, nông sản để xuất khẩu”.

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: Lô I1-I2, KCN Suối Dầu, xã Suối Tân, Huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

1.3. Chủ dự án: (Ông) Toyoki Sasaki

1.4. Địa chỉ: 15F04, The Costa Nha Trang, 32-34 đường Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

1.5. Công suất của dự án: 1.800 tấn sản phẩm/năm

1.6. Công nghệ sản xuất của dự án:

- Công nghệ chế biến thủy sản: Nguyên liệu → Sơ chế, làm sạch → Phân loại → Cấp đông → Đóng gói → Lưu kho

- Công nghệ chế biến nông sản: Nguyên liệu → Phân loại → Sơ chế, làm sạch → Xếp khay → Cấp đông → Đóng gói → Lưu kho

- Công nghệ chế biến tôm đông lạnh: Nguyên liệu → Sơ chế, làm sạch → Xếp khay → Cấp đông → Đóng gói → Lưu kho

1.7. Các hạng mục, công trình chính của dự án:

TT	Hạng mục	Diện tích (m²)	Tỉ lệ (%)
1	Khu Nhà xưởng	4.746	45,3
2	Khu vực Văn phòng (Tầng 1)	85,75	0,8
3	Khu vực Văn phòng (Tầng 2)	1.493,75	14,3
4	Mái che	108,30	1,03
5	Cầu thang	6,3	0,1

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
6	Nhà bảo vệ	36,6	0,3
7	Nhà xe	114	1,1
8	Nhà gas	8,96	0,1
9	Phòng bơm	82,5	0,8
10	Phòng máy 3	165,6	1,6

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Các tác động môi trường chính của dự án chủ yếu nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, bụi, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Quy mô, tính chất nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ quá trình hoạt động của công nhân và nước thải từ nhà ăn trong giai đoạn vận hành khoảng 27,6 m³/ngày.đêm. Thành phần nước thải gồm Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, Nitrat, Photphat, Coliform, Dầu mỡ ĐTV và các tạp chất khác.

2.2.2. Quy mô, tính chất nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình chế biến thủy sản khoảng 116 m³/ngày.đêm. Thành phần của nước thải sản xuất chủ yếu là TSS, BOD, COD, Tổng N, Tổng P, vi sinh vật, dầu mỡ...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải làm tăng nồng độ bụi và khí thải trong không khí, gây nguy cơ ô nhiễm cục bộ tại các khu vực trung chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm, khu vực nhà để xe cán bộ công nhân viên.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện công suất 1.000kVA. Thành phần bao gồm: Bụi, CO, SO₂, NO_x.

- Khí thải từ lò hơi: Lò hơi sử dụng nhiên liệu đốt LPG. LPG là từ viết tắt của khí dầu mỏ hóa lỏng (Liquefied Petroleum Gas) là hỗn hợp hydrocarbone với thành phần chính là Butan, Propan chiếm 99%.

- Khí thải từ quá trình sản xuất chế biến thủy sản. Thành phần bao gồm: Bụi, SO_2 , NO_x , NH_3 , H_2S .

- Mùi và khí ô nhiễm phát sinh từ trạm XLNT, khu vực lưu chứa chất thải gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh và sức khỏe công nhân làm việc.

2.4. Quy mô, tính chất chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn vận hành chính thức khoảng 138 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: Túi nilon, chai lọ, thức ăn thừa...

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường 760,32 tấn/năm. Thành phần bao gồm: phế phẩm thủy, hải sản, nông sản, phế liệu từ quá trình đóng gói, sản xuất, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 37 kg/năm. Thành phần bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu nhớt, bao bì cứng thải...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

Công ty phát sinh 02 nguồn nước thải chính đó là nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Các nguồn nước thải được thu gom và xử lý cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ vệ sinh văn phòng, sàn nhà vệ sinh, lavabo: theo mạng lưới cống thoát nước thải vào các hố ga thu gom nước thải dẫn về HTXL nước thải cục bộ công suất 160 m³/ngày.đêm của nhà máy.

+ Nước thải từ hầm cầu, âu tiêu: theo đường ống dẫn riêng vào bể tự hoại 03 ngăn nhằm xử lý sơ bộ và giữ lại phân cặn bã. Phần nước thải sau bể tự hoại được dẫn về HTXL nước thải cục bộ công suất 160 m³/ngày.đêm của nhà máy.

+ Nước thải từ nhà ăn: theo đường ống dẫn riêng vào bể tách mỡ 1 nhằm xử lý sơ bộ váng dầu mỡ và rác. Phần nước thải sau bể tách dầu mỡ cũng được dẫn về HTXL nước thải cục bộ công suất 160 m³/ngày.đêm của nhà máy.

→ Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án được thu gom dẫn về HTXL nước thải cục bộ của nhà máy công suất 160 m³/ngày để xử lý đạt quy định trước khi đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải của KCN Suối Dầu tại 01 điểm trên đường số 9.

- Nước thải sản xuất và nước thải vệ sinh nhà xưởng được thu gom về bể tách mỡ 2 nhằm xử lý sơ bộ váng dầu mỡ và rác. Phần nước thải sau bể tách dầu mỡ được dẫn về HTXLNT cục bộ công suất 160 m³/ngày.đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Suối Dầu trước khi đầu nối.

Quy trình công nghệ của HTXL nước thải cục bộ công suất 160 m³/ngày:

Nước thải (nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại, nước thải nhà ăn qua bể tách mỡ 1, nước thải sản xuất qua bể tách mỡ 2, bể điều hòa, thiết bị trộn + bể tuyển nổi) → Bể trung gian → Bể kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể lắng → Bể khử trùng → Đầu nối vào HTXLNT của KCN Suối Dầu

Bùn từ bể lắng → Bể chứa bùn → Hút bùn định kỳ

Các hạng mục công trình của HTXL nước thải cục bộ công suất 160m³/ngày:

TT	Tên bể	Diện tích bể (m ²)	Chiều cao xây dựng (m)	Chiều cao nước (m)	Thể tích nước (m ³)
1	Bể điều hòa	19,8	4,2	3,8	75,2
2	Bể trung gian	6,38	4,2	3,8	24,2
3	Bể tuyển nổi	-	-	-	-
4	Bể kỵ khí	11,56	7	6,6	76,3
5	Bể thiếu khí	15,4	4,2	3,8	58,5
6	Bể hiếu khí	30,8	4,2	3,8	117
7	Bể lắng	14,44	4,2	3,6	-
8	Bể khử trùng	5,4	4,2	3,2	17,3
9	Bể chứa bùn	19,8	4,2	3,8	75

3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chủ dự án có trách nhiệm thu gom chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất như: bao bì, bìa carton, ballet hỏng, chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của trạm xử lý nước thải.

- Bố trí thùng thu gom CTR bằng nhựa có nắp đậy tại các khu vực dọc tuyến đường nội bộ nhà máy.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, lưu trữ trong khu vực diện tích 6m² và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Đối với phế phẩm thủy, hải sản, nông sản:

- Lưu trữ trong các thùng chứa có nắp đậy kín và được tập kết vào kho lạnh chứa phụ phẩm diện tích 50m² nhằm hạn chế mùi hôi phát tán ra xung quanh.

- Ký hợp đồng với đơn vị thu mua để vận chuyển, xử lý trong ngày, không tập kết, lưu chứa tại khuôn viên nhà máy qua ngày nhằm hạn chế tối đa nguy cơ gây ô nhiễm từ nguồn thải này.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Các loại CTNH phát sinh sẽ được Chủ đầu tư thực hiện thu gom, lưu trữ tại kho CTNH đã có của nhà máy với diện tích 4m². Kho chứa được dán biển cảnh báo, phân loại và dán nhãn CTNH theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Sau đó Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Dự án thuộc trường hợp vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường (các công trình bảo vệ môi trường được trình bày tại mục 3) theo quy định tại khoản 6, Điều 17 Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hợp nhất tại văn bản số 11/VBHN-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án trình bày tại mục 3 Phụ lục.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Chương trình quản lý môi trường của dự án:

Nội dung cụ thể được trình bày tại Mục 5.1 Chương 5 báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường của dự án:

Nội dung giám sát	Vị trí giám sát		Thông số quan trắc/ Quy chuẩn so sánh	Tần suất
Giai đoạn vận hành thử nghiệm				
Giám sát nước thải	Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải	Mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của từng công đoạn xử lý (hồ thu, tách dầu; bể điều hòa; bể kỵ khí UASB; bể anoxic; bể ổn định bùn; bể hiếu khí; bể lắng bùn; bể khử trùng)	pH, TSS, BOD ₅ , COD, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform, Dầu mỡ ĐTV (So sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B)	15 ngày/lần trong 75 ngày đầu của thời gian vận hành thử nghiệm trạm xử lý nước thải
	Quan trắc nước thải của toàn bộ công trình xử lý	Mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của trạm xử lý nước thải.	pH, TSS, BOD ₅ , COD, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform, Dầu mỡ ĐTV (So sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B)	1 ngày/lần trong 07 ngày liên tiếp của thời gian vận hành thử nghiệm trạm xử lý nước thải
Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại				Hàng ngày
Giai đoạn dự án đi vào vận hành chính thức				

Nội dung giám sát	Vị trí giám sát	Thông số quan trắc/ Quy chuẩn so sánh	Tần suất
Giám sát nước thải	01 điểm đầu ra của trạm XLNT	Lưu lượng, pH, COD, tổng Nitơ, tổng Phospho, Coliform (So sánh: Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của Công ty Cổ phần KCN Suối Dầu)	3 tháng/lần
Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại			Hàng ngày

6. Các điều kiện khác liên quan đến môi trường:

- Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ dự án phải thực hiện nghiêm túc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường không khí, đất, nước khu vực dự án và các công trình lân cận. Lưu giữ, thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định quản lý chất thải và phế liệu được quy định tại Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hợp nhất tại văn bản số 09/VBHN-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019; và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và hoạt động của các dự án xung quanh, khu dân cư Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, thông báo khẩn cho UBND huyện Cam Lâm, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh để được chỉ đạo và phối hợp xử lý; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.



- Trong quá trình triển khai Dự án, Chủ Dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

